**1. Xin cho biết, Luật hòa giải ở cơ sở điều chỉnh những vấn đề gì? Hòa giải của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hòa giải ở cơ sở không?**

Theo Điều 1 Luật hòa giải ở cơ sở thì Luật hòa giải ở cơ sở quy định về nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên, tổ hòa giải; hoạt động hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Hoạt động hòa giải của tòa án, trọng tài, hòa giải thương mại, hòa giải lao động và hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hòa giải ở cơ sở.

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật thì hòa giải của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hòa giải ở cơ sở.

**2. Sau khi đưa vào sử dụng, công trình phụ nhà bà Lan thường bốc mùi hôi thối, đặc biệt là những hôm trời nóng nực, oi bức, khiến sinh hoạt nhà bà Hoa bị ảnh hưởng. Đã nhiều lần bà Hoa sang đề nghị bà Lan có biện pháp xử lý nhưng bà Lan không thực hiện. Chính vì vậy, bà Hoa muốn nhờ tổ hòa giải thôn giải quyết giúp, nếu không được bà mới yêu cầu chính quyền xã can thiệp. Vậy xin hỏi, vụ việc trên có thuộc phạm vi được hòa giải ở cơ sở không?**

Theo quy định tại Điều 3 Luật hòa giải ở cơ sở thì việc hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật, trừ mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải; Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính; và mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở theo quy định pháp luật.

Để hướng dẫn thực hiện quy định trên của pháp luật, tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ -CP ngày 27/02/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở (gọi tắt là Nghị định số 15/2014/NĐ-CP) quy định hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với mâu thuẫn giữa các bên (do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác).

Đối chiếu trường hợp của bà Hòa với quy định của pháp luật nêu trên thì vụ việc của bà có thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở. Theo đó, bà Hoa có thể đề nghị tổ hòa giải thôn hòa giải mẫu thuẫn giữa bà và bà Lan.

**3. Ngày 24/12/2017, cụ Hoàng Thị M đột ngột qua đời, không kịp làm lại di chúc chia tài sản cho các con. Sau khi lo tang gia cho mẹ xong, các con cụ M họp bàn chia di sản thừa kế của mẹ, song không thống nhất được với nhau. Các con cụ muốn nhờ tổ hòa giải ở cơ sở giải quyết thì có được không? Pháp luật quy định như thế nào về phạm vi được hòa giải ở cơ sở?**

Phạm vi các vụ việc được hòa giải ở cơ sở được quy định tại Điều 3 Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, cụ thểhòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật sau đây:

a) Mâu thuẫn giữa các bên (do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác);

b) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất;

c) Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn;

d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính;

đ) Vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp sau đây:

Không bị khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

Pháp luật quy định chỉ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không yêu cầu khởi tố theo quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Bộ luật tố tụng hình sự hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

e) Vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương II Phần thứ năm của Luật xử lý vi phạm hành chính;

g) Những vụ, việc khác mà pháp luật không cấm.

Căn cứ vào quy định trên của pháp luật về phạm vi vụ việc được tiến hành hòa giải ở cơ sở, thì trường hợp của các con cụ M được hòa giải ở cơ sở. Các con của cụ có thể làm đơn hoặc trực tiếp đề nghị tổ hòa giải ở cơ sở giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản của cụ M.

**4. Tối ngày 20/11/2017, lợi dụng lúc gia đình chị Ng không có nhà, A lẻn vào nhà trộm chiếc xe đạp của chị Ng mang bán được 1.200.000 đồng. Hành vi của A bị ông B phát hiện và báo lại cho chị Ng. Bức xúc do đã nhiều lần bị mất cắp tài sản nên chị Ng định đến Công an xã trình báo vụ việc. Tuy nhiên, mẹ anh A đề nghị hai bên nên thương lượng, hòa giải ở cơ sở. Hỏi, trường hợp này có được tiến hành hòa giải ở cơ sở không?**

Theo quy định tại điểm a khoản Điều 15 [Nghị định 167/2013/NĐ-CP](https://luatminhgia.com.vn/nghi-dinh/nghi-dinh-so-167-2013-nd-cp-xu-phat-vphc-ve-an-ninh-trat-tu,-an-toan-xa-hoi.aspx)quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tư, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình thì người có hành vi trộm cắp tài sản sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của A đã vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tư, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội và sẽ bị xử lý vi phạm hành chính với mức phạt tiền như trên.

Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định, không hòa giải các trường hợp sau đây:

a) Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng;

b) Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình mà theo quy định của pháp luật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội;

c) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp: (i) vi phạm pháp luật hình sự nhưng không bị khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; (ii) pháp luật quy định chỉ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, nhưng người bị hại không yêu cầu hoặc hởi tố theo quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; hoặc (iii) vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Bộ luật tố tụng hình sự hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 của Bộ luật tố tụng hình sự và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính, trừ trường hợp vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương II Phần thứ năm của Luật xử lý vi phạm hành chính;

đ) Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 của Luật hòa giải ở cơ sở, bao gồm:

Hòa giải tranh chấp về thương mại được thực hiện theo quy định của Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Hòa giải tranh chấp về lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên thì vụ việc được nêu không được hòa giải ở cơ sở. Trường hợp mẹ anh A đề nghị hòa giải ở cơ sở thì hòa giải viên giải thích cho các bên về lý do không hòa giải và hướng dẫn các bên làm thủ tục cần thiết để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

**5. Từ năm 2013, bà T chuyển hộ khẩu lên thành phố sống cùng con trai. Nhà cũ ở quê tại thôn X, xã P, bà khóa lại nhờ hàng xóm láng giềng trông nom giúp. Hàng năm, chỉ khi nào có giỗ tết, công việc gì bà mới về sống đôi ba ngày. Vừa qua, khi về con ông H đổ đất tôn cao vườn lấn sang đất nhà bà. Bà có góp ý nhưng phía nhà ông H không thừa nhận, hai bên xảy ra tranh cãi và đề nghị tổ hòa giải thôn X giúp đỡ. Hỏi, trường hợp này có được hòa giải ở cơ sở không?**

Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật  hòa giải ở cơ sở. Trong đó, cơ sở là thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố).

Theo điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP thì hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như *tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất.*

Tại khoản 1, 2 Điều 202 Luật đất đai 2013 quy định, Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải.

Do đó, mặc dù bà T đã chuyển hộ khẩu đi nơi khác sinh sống, nhưng tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực đất đai giữa bà và gia đình ông H diễn ra tại thôn X, xã T nên nếu bà T và gia đình ông H đề nghị tổ hòa giải thôn X hòa giải thì tổ hòa giải thôn X được tiến thực hiện hòa giải.

**6. Đề nghị cho biết, việc tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở được thực hiện trên nguyên tắc nào?**

Theo quy định tại Điều 4 Luật hòa giải ở cơ sở thì**việc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở được thực hiện dựa trên 06 nguyên tắc sau:**

- Thứ nhất, tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở. Theo đó, nếu các bên không chấp nhận việc hoà giải thì hoà giải viên không thể dùng ý chí chủ quan của mình mà bắt buộc họ phải hoà giải. Mọi tác động đến sự tự do ý chí của các bên như cưỡng ép, làm cho một trong hai bên bị lừa dối hay nhầm lẫn đều không thể hiện đầy đủ tính tự nguyện của các bên.

- Thứ hai, bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi.

Để thực hiện nguyên tắc này, bên cạnh việc nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hòa giải viên cần nắm vững các phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương để động viên, khuyên nhủ các bên dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc vận dụng các phong tục, tập quán, câu ca dao, tục ngữ, phải có sự chọn lọc cho phù hợp, tránh các giáo lý, hủ tục lạc hậu.

- Thứ ba, khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Luật hòa giải ở cơ sở. Việc bảo đảm nguyên tắc này trong quá trình hòa giải sẽ tạo được lòng tin của các bên, để họ chia sẻ, lắng nghe, tiếp thu ý kiến phân tích, giải thích của mình, từ đó có nhận thức, tự nguyện điều chỉnh hành vi cho phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.

- Thứ tư, tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.

Tuân thủ nguyên tắc này có nghĩa là việc hoà giải không chỉ nhằm giải quyết tranh chấp, bảo vệ, khôi phục quyền và lợi ích của các bên mà còn phải bảo đảm lợi ích chung của xã hội, của Nhà nước và của người khác. Hoà giải viên không chỉ giúp các bên giải quyết tranh chấp mà còn góp phần giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật của công dân.

- Thứ năm, bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở. Nội dung của nguyên tắc này như sau:

+ Bình đẳng giới trong các quy định đối với hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải;

+ Bình đẳng giới còn được thể hiện trong các quy định về yêu cầu hòa giải, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình hòa giải, thủ tục tiến hành hòa giải, văn bản hòa giải, thực hiện các thỏa thuận hòa giải, theo dõi, đôn đốc thực hiện kết quả hòa giải thành đối với các bên là như nhau không phân biệt nam, nữ.

- Thứ sáu: không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự.

**7. Tôi được biết, thời gian tới đây thôn tôi sẽ thành lập tổ hòa giải ở cơ sở. Sau thời gian dài gần 20 năm là hàng xóm của nhau (hiện bà H đã chuyển đến sống tại xã bên cạnh cùng con trai), tôi thấy bà H là người rất có uy tín, có hơn 30 năm làm trong ngành Tòa án… nên muốn giới thiệu bà H vào danh sách bầu hòa giải viên có được không? Người được bầu làm hòa giải viên phải có những tiêu chuẩn gì?**

Hòa giải viên là người được công nhận theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở để thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở. Theo quy định tại Điều 7 Luật hòa giải ở cơ sở thì người được bầu làm hòa giải viên phải là công dân Việt Nam *thường trú tại cơ sở*, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải và có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư;

2. Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

Trong đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật hòa giải ở cơ sở thì cơ sở được hiểu là thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố).

Như vậy, đối chiếu với quy định trên của pháp luật thì mặc dù có khá nhiều điều kiện tốt nhưng do “không thường trú tại cơ sở” – điều kiện cần để trở thành hòa giải viên, nên bà H không thể có tên trong danh sách bầu hòa giải viên thôn ông/bà sinh sống.

**8. Để thành lập tổ hòa giải cơ sở của thôn, tổ bầu hòa giải viên có đến đề nghị đưa tôi vào danh sách bầu hòa giải viên. Đối chiếu các điều kiện bầu hòa giải viên được phổ biến, tôi thấy mình có đầy đủ cả. Tuy nhiên, điều kiện về “hiểu biết pháp luật” thì không nhiều vì tôi chỉ được học hết lớp 9 theo chương trình giáo dục cũ. Hỏi, tôi có thể được công nhận làm hòa giải viên không?**

Theo quy định tại Điều 7 Luật hòa giải ở cơ sở, thì một trong các tiêu chuẩn để được trở thành hòa giải viên là “có hiểu biết pháp luật”. Luật Hòa giải ở cơ sở quy định tiêu chuẩn ”*có hiểu biết pháp luật*” vì trong điều kiện hiện nay, các mâu thuẫn, tranh chấp ngày càng đa dạng và phức tạp; trình độ dân trí ngày một nâng lên, đòi hỏi hòa giải viên không chỉ có uy tín, đạo đức, khả năng thuyết phục mà phải hiểu biết pháp luật mới có thể giải thích, tuyên truyền, thuyết phục các bên trong quá trình hòa giải ở cơ sở. Mặt khác, có hiểu biết pháp luật sẽ giúp hòa giải viên tự tin, bản lĩnh trong việc thực hiện nhiệm vụ, kết quả hòa giải mới có chất lượng, hiệu quả, đồng thời, có hiểu biết pháp luật là cơ sở cho việc xây dựng đội ngũ hòa giải viên đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Tuy nhiên, Luật không quy định cụ thể tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn về luật đối với hòa giải viên do phạm vi hòa giải ở cơ sở không đòi hỏi hòa giải viên phải am hiểu sâu về pháp luật mà chủ yếu cần có hiểu biết pháp luật nhất định để biết vận dụng quy định pháp luật trong thực hiện hòa giải, có thể giải thích, thuyết phục các bên ứng xử phù hợp với pháp luật.

Hơn nữa, một trong các quyền của hòa giải viên được pháp luật quy định làđược bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải; được cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải.

Để nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên, trong những năm qua chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở trong phạm vi chưc năng, nhiệm vụ được giao đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho số lượng lơn hòa giải viên.

Chính vì vậy, ông/ bà vẫn có thể được bầu và công nhận làm hòa giải viên nếu ông/bà có đủ số phiếu bầu theo quy định.

**9. Sau khi bà M chuyển đi nơi khác sinh sống, xin thôi làm hòa giải viên thì tổ hòa giải tổ dân phố 10 không có hòa giải viên nữ. Chính vì vậy, để kiện toàn tổ hòa giải, Tổ bầu hòa giải viên đã đến trao đổi, đề nghị tôi tham gia làm hòa giải viên. Xin hỏi, nếu được bầu làm hòa giải viên, tôi có quyền và nghĩa vụ gì?**

Nhằm giúp hòa giải viên thực hiện tốt quyền lợi của mình, khức phục những hạn chế trong hoạt động hòa giải, tránh quan niệm hòa giải viên là “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng” làm ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của một bộ phận hòa giải viên, tại Điều 9, Điều 10 Luật hòa giải ở cơ sở quy định về quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, cụ thể:

- Quyền của hòa giải viên:

1. Thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở.

2. Đề nghị các bên có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến vụ, việc hòa giải.

3. Tham gia sinh hoạt, thảo luận và quyết định nội dung, phương thức hoạt động của tổ hòa giải.

4. Được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải; được cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải.

5. Hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải.

6. Được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

7. Được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

8. Kiến nghị, đề xuất về các vấn đề liên quan đến hoạt động hòa giải.

- Nghĩa vụ của hòa giải viên:

1. Thực hiện hòa giải khi có căn cứ theo quy định tại Điều 16 của Luật này.

2. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật này.

3. Từ chối tiến hành hòa giải nếu bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.

4. Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng.

5. Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

Theo đó, nếu được bầu làm hòa giải viên, bà sẽ có quyền và nghĩa vụ như trên.

**10. Ông Đặng Minh T là hòa giải viên tổ hòa giải tổ dân phố X, xã M, huyện K, thành phố H. Vừa qua, ông H phạm tội vô ý gây tổn hại cho sức khỏe người khác và bị phạt tù 02 năm. Hỏi, ông T có bị buộc thôi làm hòa giải viên không?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hòa giải ở cơ sở, việc thôi làm hòa giải viên được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Theo nguyện vọng của hòa giải viên;

b) Hòa giải viên không còn đáp ứng một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 của Luật hòa giải ở cơ sở;

c) Vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 4 của Luật hòa giải ở cơ sở hoặc không có điều kiện tiếp tục làm hòa giải viên do bị xử lý vi phạm pháp luật.

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật thì ông T sẽ được cho thôi làm hòa giải viên ở cơ sở.

**11. Do điều kiện sức khỏe không cho phép nên tôi muốn xin thôi làm hòa giải viên. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về thủ tục thôi hòa giải viên?**

Vấn đề ông/bà hỏi được quy định tại Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTƯMTTQVN *ngày 18 tháng 11 năm 2014 của* Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam **Hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở** (gọi tắt là Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTƯMTTQVN), cụ thể:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của tổ trưởng Tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này).

Đối với trường hợp thôi làm hòa giải viên theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 11 của Luật hòa giải ở cơ sở, nếu Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải, thì Trưởng ban công tác Mặt trận thông báo với tổ trưởng tổ hòa giải, nêu rõ lý do không đồng ý, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Trường hợp không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, hòa giải viên kiến nghị để Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ dân phố xem xét, giải quyết.

**11. Vừa qua, sau khi thực hiện củng cố, kiện toàn tổ hòa giải của tổ dân phố, tôi được mọi người tín nhiệm bầu làm tổ trưởng tổ hòa giải. Xin hỏi, nếu được công nhận làm tổ trưởng tổ hòa giải, tôi có quyền và nghĩa vụ gì?**

Vấn đề ông/bà hỏi, xin được trả lời như sau:

Theo quy định tại Điều 15 Luật hòa giải ở cơ sở thì tổ trưởng tổ hòa giải có q**uyền và nghĩa vụ sau:**

1.  Phân công, phối hợp hoạt động của các hòa giải viên.

2. Đại diện cho tổ hòa giải trong quan hệ với Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong thực hiện trách nhiệm của tổ hòa giải.

3. Đề nghị cho thôi làm hòa giải viên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật hòa giải ở cơ sở.

4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có thẩm quyền về các vụ, việc theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Luật hòa giải ở cơ sở.

5. Báo cáo hằng năm và báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải với Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

6. Phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải khác để trao đổi kinh nghiệm hoặc tiến hành hòa giải những vụ, việc liên quan đến các thôn, tổ dân phố khác nhau.

7. Có các quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật hòa giải ở cơ sở.

Do đó, nếu được công nhận làm tổ trưởng tổ hòa giải, ông/bà sẽ có các quyền và nghĩa vụ nêu trên.

**12. Sau nhiều lần theo dõi, tôi phát hiện bà Ph thường xuyên thả cho chó đi vệ sinh tại hè đường trước cửa nhà tôi gây mất vệ sinh. Nhắc nhở gia đình bà chỉ được dăm ba hôm rồi đâu lại vào đó nên tôi muốn đề nghị tổ hòa giải giải quyết thì có buộc phải làm đơn đề nghị không? Pháp luật quy định như thế nào về căn cứ tiến hành hòa giải?**

Theo quy định tại Điều 3 Luật hòa giải ở cơ sở, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP thì trường hợp nêu trên thuộc phạm vi được hòa giải ở cơ sở.

Tại Điều 16 Luật hòa giải ở cơ sở quy định, hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau đây:

1. Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải;

2. Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải;

3. Theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Và tại Nghị định số 15/2014/NĐ-CP cũng không có quy định về việc bắt buộc các bên phải có đơn yêu cầu hòa giải thì mới được tiền hành hòa giải ở cơ sở.

Theo đó, nếu đã nhắc gia đình bà Ph nhiều lần mà gia đình bà Ph vẫn thả cho chó đi vệ sinh tại hè đường trước cửa nhà ông/bà, thì ông/ bà có thể gặp trực tiếp hòa giải viên, hoặc tổ trưởng tổ hòa giải ở cơ sở hoặc viết giấy để đề nghị tổ hòa giải hòa giải.

**13. Chị M biết ở thôn có tổ hòa giải đã hòa giải rất nhiều vụ việc, mâu thuẫn, tranh chấp giữa hàng xóm, láng giềng, giữa vợ chồng, gia đình… thành công nên cũng muốn nhờ tổ hòa giải giúp đỡ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị. Song, không muốn hàng xóm láng giềng biết chuyện nên chị muốn đề nghị hòa giải không công khai thì có được không? Pháp luật quy định như thế nào về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải?**

**Tại Điều****17 Luật hòa giải ở cơ sở quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hòa giải như sau:**

1. Lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải.

2. Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải.

3. Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai.

4. Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải.

5. Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.

6. Tôn trọng hòa giải viên, quyền của các bên có liên quan.

7. Không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải.

Căn cứ vào quy định trên của pháp luật thì chị M có quyền đề nghị tổ hòa giải tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị không công khai.

**14. Đề nghị cho biết, việc hòa giải kết thúc trong các trường hợp nào?**

Vần đề bạn hỏi được quy định tại Điều 23 Luật hòa giải ở cơ sở, cụ thể việc hòa giải được kết thúc khi thuộc một trong ba trường hợp sau:

1. Các bên đạt được thỏa thuận.

2. Một bên hoặc các bên yêu cầu chấm dứt hòa giải.

3. Hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải khi các bên không thể đạt được thỏa thuận và việc tiếp tục hòa giải cũng không thể đạt được kết quả.

**15. Nhận được tin báo của người dân, ông Nguyễn Mạnh A – tổ trưởng tổ hòa giải, và ông Phạm Minh B – hòa giải viên tổ hòa giải thôn X liền cùng nhau đi đến nhà anh H, chị Đ, nơi đang xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi đến ngã ba đường cái, do bị che khuất tầm nhìn nên xe của ông B va chạm với xe máy khác đi từ trong ngõ ra. Tai nạn xảy ra khiến ông B bị gãy chân phải nằm viện điều trị gần 01 tháng. Ông B muốn biết trường hợp của ông có được Nhà nước hỗ trợ gì không? Nếu có, thì ông sẽ được hỗ trợ như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Luật hòa giải ở cơ sở thì hòa giải viên được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

Cũng tại Điều 16 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định, hòa giải viên được hỗ trợ khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hòa giải trong trường hợp bị tai nạn hoặc rủi ro trong khi đang thực hiện hòa giải; hoặc bị tai nạn hoặc rủi ro trên đường đi và về từ nơi ở đến địa điểm thực hiện hòa giải trên tuyến đường và trong khoảng thời gian hợp lý.

Đối chiếu trường hợp của ông B với quy định trên của pháp luật thì ông sẽ được Nhà nước hỗ trợ. Các khoản được hỗ trợ gồm:

a) Chi phí cần thiết, hợp lý cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút; nếu thu nhập thực tế của hòa giải viên không ổn định hoặc không thể xác định được thì áp dụng cách tính theo thu nhập bình quân hàng ngày của người làm công ăn lương chia theo khu vực thành thị, nông thôn, loại hình kinh tế ngoài nhà nước trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút. (khoản 1 Điều 17 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP).

**16. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về thủ tục thực hiện hỗ trợ** **khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải?**

**Vấn đề bạn nêu được quy định tại Điều 18 Luật hòa giải ở cơ sở, cụ thể như sau:**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Giấy đề nghị hỗ trợ của hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng có xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại là tổ trưởng tổ hòa giải. Giấy đề nghị hỗ trợ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người yêu cầu hỗ trợ; lý do yêu cầu hỗ trợ;

b) Biên bản xác nhận tình trạng của hòa giải viên bị tai nạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn hoặc cơ quan công an nơi xảy ra tai nạn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp);

c) Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp);

d) Văn bản, giấy tờ hợp lệ về thu nhập thực tế theo tiền lương, tiền công hằng tháng của người bị tai nạn có xác nhận của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp), bao gồm: Hợp đồng lao động, quyết định nâng lương của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động hoặc bản kê có thu nhập thực tế của hòa giải viên bị tai nạn và các giấy tờ chứng minh thu nhập thực tế hợp pháp khác (nếu có);

đ) Giấy chứng tử trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp).

2. Hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định công nhận hòa giải viên.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, có văn bản đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định hỗ trợ; trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày ngày nhận được quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc chi tiền hỗ trợ.

**17. Sau khi tiếp nhận vụ việc hòa giải tranh chấp về thừa kế giữa anh em ông Nh, bà Ph, bà K, ông H, tôi thấy vụ việc khá phức tạp liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Chính vì vậy, tôi muốn mời thêm ông Trần Huy L, là cán bộ tòa án hiện đang cư trú tại tổ dân phố tham gia hòa giải thì có được không?**

Tại Điều 19 Luật hòa giải ở cơ sở quy định, trong quá trình hòa giải, nếu thấy cần thiết, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng , chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải.

Người được mời tham gia hòa giải phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Cơ quan, tổ chức có người được mời tham gia hòa giải có trách nhiệm tạo điều kiện để họ tham gia hòa giải.

Theo đó, nếu được các bên đồng ý, ông/bà có thể mời ông L tham gia hòa giải.

**18. Theo biên bản thỏa thuận hòa giải thành do tổ hòa giải thôn VL lập thì, bà M đồng ý trả ông P 3,5 triệu đồng vào ngày 30/10/2017 (thời điểm bà M đã thu hoạch xong hoa màu và bán có tiền trả ông P). Tuy nhiên, ngày 15/10, toàn bộ hoa màu nhà bà M bị mất trắng do bị bão ngập lụt, không thu hoạch được nên bà không có tiền để trả ông P. Hỏi, trường hợp của bà M có được coi là trường hợp bất khả kháng không?**

Hòa giải thành là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 25 Luật hòa giải ở cơ sở thì các bên có trách nhiệm thực hiện thỏa thuận hòa giải thành.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, nếu một bên vì sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện được thì có trách nhiệm trao đổi, thỏa thuận với bên kia và thông báo cho hòa giải viên.

Pháp luật hòa giải ở cơ sở không có quy định như thế nào thì được coi là “sự kiện bất khả kháng” nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 BLDS năm 2015: "Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép."

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật, trường hợp của bà M có được coi là trường hợp bất khả kháng.

**19. Theo thỏa thuận hòa giải thành ngày 10/9/2017, ông M sẽ trả ông N số tiền 20 triệu thành 05 lần, mỗi lần cách nhau một tháng và lần đầu tiên trả tiền là ngày 15/9/2017. Thực hiện thỏa thuận trên, ông M đã trả ông N 4 triệu đồng vào ngày 15/9/2017. Tuy nhiên, từ đó đến nay, ông M không tiếp tục trả ông N theo đúng thời điểm, số tiền như trong thỏa thuận. Chính vì vậy, ông N muốn khởi kiện yêu cầu tòa án công nhận kết quả hòa giải thành thì có được không?**

Tại Điều 416 BLTTDS năm 2015 quy định, kết quả hòa giải vụ việc ngoài Tòa án được Tòa án xem xét ra quyết định công nhận là kết quả hòa giải thành vụ việc xảy ra giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền có nhiệm vụ hòa giải đã hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải.

Theo đó, kết quả hòa giải thành được thực hiện theo quy định của pháp luật hòa giải ở cơ sở (Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành) cũng thuộc phạm vi được Tòa án xem xét công nhận.

Tại khoản 1 Điều 418 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định, người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án phải gửi đơn đến tòa án trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành.

Vậy nên, ông N có thể làm đơn yêu cầu tòa án công nhận kết quả hòa giải thành giữa ông và ông M, nếu tính từ ngày 10/9/2017 đến thời điểm ông gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án chưa quá 06 tháng.

**20. Ông P (cư trú tại thôn H, xã V, huyện T) có mâu thuẫn, tranh chấp đất đai với ông K (cư trú tại thôn S, xã N, huyện Q) và đã được tổ hòa giải của hai thôn H và thôn S phối hợp hòa giải thành. Tuy nhiên, sau đó, ông P không thực hiện thỏa thuận nên ông K muốn đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Hỏi, trường hợp này, Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết?**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 và điểm a khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015thì thẩm quyền công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở là Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người yêu cầu cư trú (nơi thường trú hoặc tạm trú), làm việc.

Đối chiếu với trường hợp nêu trên, thì ông K có thể gửi đơn đến tòa án nhân dân huyện Q, nơi ông cư trú yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành giữa ông với ông P.

**21. Xin cho biết, pháp luật quy định như thế nào về điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở?**

Theo quy định tại Điều 416 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì kết quả hòa giải thành ở cơ sở được công nhận khi có các điều kiện sau:

- *Thứ nhất*, các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Theo quy định tại Điều 20 BLDS năm 2015 thì người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự là người từ đủ mười tám tuổi trở lên, trừ trường hợp là người bị mất năng lực hành vi dân sự quy định tại Điều 22, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi quy định tại Điều 23 và người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi quy định tại Điều 24 của Bộ luật dân sự.

- *Thứ hai*, các bên tham gia thỏa thuận hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý;

- *Thứ ba*, nội dung thỏa thuận hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba;

- *Thứ tư*, một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

**22. Xin hỏi, trình tự thủ tục yêu cầu tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở được quy định như thế nào?**

Tại Điều 418 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định như sau về thủ tục yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở:

- Người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở (là một bên hoặc cả hai bên) gửi đơn đến Tòa án trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành.

+ Đơn yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

Ngày, tháng, năm làm đơn; tên Tòa án có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở; tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người yêu cầu; tên, địa chỉ của những người có liên quan đến việc nội dung thỏa thuận hòa giải thành ở cơ sở (nếu có); tên, địa chỉ của Hòa giải viên, tổ hòa giải đã tiến hành hòa giải; các thông tin khác mà người yêu cầu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu của mình; người yêu cầu là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ, nếu là tổ chức thì đại diện hợp pháp của tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn; trường hợp tổ chức yêu cầu là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp. (*Có thể tham khảo Mẫu đơn ban hành kèm theo Công văn số 1503/BTP-PBGDPL*)

+  Kèm theo đơn yêu cầu, người yêu cầu phải gửi văn bản về kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Văn bản hòa giải thành gồm các nội dung chính sau đây: Căn cứ tiến hành hòa giải; thông tin cơ bản về các bên; nội dung chủ yếu của vụ, việc; diễn biến của quá trình hòa giải; thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện; quyền và nghĩa vụ của các bên; phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận; chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và của hòa giải viên. (*Có thể tham khảo Mẫu biên bản hòa giải thành kèm theo Công văn số 1503/BTP-PBGDPL*)

Theo đó, ông/ bà có thể căn cứ vào quy định pháp luật nêu trên để thực hiện quyền yêu cầu tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

**23. Đề nghị cho biết, hiệu lực pháp lý của Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án được quy định như thế nào?**

Theo khoản 6, 8 và khoản 9 Điều 419 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Công văn số 1503/BTP-PBGDPL về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở, thì hiệu lực của Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án được quy định như sau:

- Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

- Việc Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ở cơ sở.

- Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự.

**24. Ngày 23/8 vừa qua, tôi nhận được thông báo trả lại đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở với lý do người yêu cầu không sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu trong thời hạn quy định. Không đồng ý với quyết định trả lại đơn của tòa án nên tôi muốn khiếu nại. Xin cho biết, pháp luật quy định như thế nào về việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại việc trả lại đơn yêu cầu?**

Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại việc trả lại đơn yêu cầu được thực hiện theo quy định tại Điều 194 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lại đơn yêu cầu, người yêu cầu có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Tòa án đã trả lại đơn.

- Ngay sau khi nhận được khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn, Chánh án Tòa án phải phân công một Thẩm phán khác xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải mở phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị. Phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp và đương sự có khiếu nại; trường hợp đương sự vắng mặt thì Thẩm phán vẫn tiến hành phiên họp.

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc trả lại đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có khiếu nại tại phiên họp, Thẩm phán phải ra một trong các quyết định sau đây:

+ Giữ nguyên việc trả lại đơn yêu cầu và thông báo cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp;

+ Nhận lại đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo để tiến hành việc thụ lý vụ án.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trả lời khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn yêu cầu của Thẩm phán, người khởi kiện có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án trên một cấp trực tiếp xem xét, giải quyết.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn yêu cầu, Chánh án Tòa án trên một cấp trực tiếp phải ra một trong các quyết định sau đây:

+ Giữ nguyên việc trả lại đơn yêu cầu;

+ Yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm nhận lại đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo để tiến hành việc thụ lý vụ việc.

Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án Tòa án trên một cấp trực tiếp có hiệu lực thi hành và được gửi ngay cho người yêu cầu, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát đã kiến nghị và Tòa án đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu.

- Trường hợp có căn cứ xác định quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án trên một cấp trực tiếp nêu trên có vi phạm pháp luật thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định, đương sự có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao nếu quyết định bị khiếu nại, kiến nghị là của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nếu quyết định bị khiếu nại, kiến nghị là của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại của đương sự, kiến nghị của Viện kiểm sát thì Chánh án phải giải quyết. Quyết định của Chánh án là quyết định cuối cùng.

Theo đó, bạn có thể căn cứ quy định pháp luật nêu trên để thực hiện quyền của mình trong tố tụng dân sự.

**25. Xin cho biết, thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được quy định như thế nào?**

Theo khoản 4 Điều 419 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thủ tục tiến hành phiên họp xét đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa ánđược thực hiện theo quy định tại Điều 369 của Bộ luật, cụ thể như sau:

- Thư ký phiên họp báo cáo Thẩm phán, Hội đồng giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa ánvề sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp;

- Thẩm phán chủ tọa phiên họp khai mạc phiên họp, kiểm tra về sự có mặt, vắng mặt của những người được triệu tập tham gia phiên họp và căn cước của họ, giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia phiên họp;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu, người yêu cầu hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày về những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết, lý do, mục đích và căn cứ của việc yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến về những vấn đề có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án;

- Người làm chứng trình bày ý kiến; người giám định trình bày kết luận giám định, giải thích những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn (nếu có);

- Thẩm phán, Hội đồng giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án xem xét tài liệu, chứng cứ;

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án và gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ngay sau khi kết thúc phiên họp;

- Thẩm phán, Hội đồng giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

Trường hợp có người được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp vắng mặt thì Thẩm phán, Hội đồng giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án cho công bố lời khai, tài liệu, chứng cứ do người đó cung cấp trước khi xem xét tài liệu, chứng cứ.

Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 417 của Bộ luật tố tụng dân sự; ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đối với trường hợp không có đủ các điều kiện quy định tại Điều 417 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được gửi cho người tham gia thỏa thuận hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Viện kiểm sát cùng cấp.

**Câu hỏi 26. Tôi mới được bầu làm hòa giải viên của tổ hòa giải ở thôn. Tôi được biết, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật hòa giải ở cơ sở. Xin hỏi, Nhà nước có những chính sách gì về hòa giải ở cơ sở?**

**Trả lời:**

Để tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác hòa giải ở cơ sở, ngày 20 tháng 6 năm 2013, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật hòa giải ở cơ sở, trong đó, Điều 5 Luật quy định về chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở như sau:

1. Khuyến khích các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bằng hình thức hòa giải ở cơ sở và các hình thức hòa giải thích hợp khác.

Khuyến khích những người có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư tham gia hòa giải ở cơ sở và tham gia các hình thức hòa giải thích hợp khác.

2. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở.

3. Tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

**Câu hỏi 27. Việc bầu, công nhận hòa giải viên được Luật hòa giải ở cơ sở quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 8 Luật hòa giải ở cơ sở thì việc bầu, công nhận hòa giải viên được quy định như sau:

Người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở có quyền ứng cử hoặc được Ban công tác Mặt trận phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận giới thiệu vào danh sách bầu hòa giải viên.

Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức bầu hòa giải viên ở thôn, tổ dân phố bằng một trong các hình thức: biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình; hoặc phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình.

Trên cơ sở biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình; hoặc phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình thì:

- Người đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý thì được đề nghị công nhận là hòa giải viên;

- Trường hợp số người đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên trong một tổ hòa giải căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương và đề nghị của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Trường hợp này, danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp;

- Trường hợp số người được bầu không đủ để thành lập tổ hòa giải thì tổ chức bầu bổ sung cho đủ số lượng;

- Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận hòa giải viên. Quyết định công nhận hòa giải viên được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, hòa giải viên và thông báo công khai ở thôn, tổ dân phố.

**Câu hỏi 28. Cuối tuần trước, bố tôi được mời tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên của tổ hòa giải trên địa bàn thôn. Tại cuộc họp, ông được biết, những năm qua, địa phương có hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở của tổ. Vậy, Luật hòa giải ở cơ sở có quy định về kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở hay không?**

**Trả lời:**

Để bảo đảm cho hoạt động của tổ hòa giải và hòa giải viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải cơ sở, Nhà nước tạo điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở và khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đây là một trong những chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở được quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Luật Hòa giải ở cơ sở.

Bên cạnh đó, Luật Hòa giải ở cơ sở cũng có quy định cụ thể về hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở tại Điều 6 của Luật, theo đó Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở để biên soạn, phát hành tài liệu; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng về hòa giải ở cơ sở; sơ kết, tổng kết, khen thưởng đối với công tác hòa giải ở cơ sở; chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc và hỗ trợ các chi phí cần thiết khác cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, thì ngân sách trung ương sẽ chi bổ sung để hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

Để biết chi tiết các quy định về kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở, bạn và bố bạn nên tìm hiểu thêm Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2017 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

**Câu hỏi 29. Xin hỏi, Luật hòa giải ở cơ sở quy định như thế nào về tổ hòa giải ?**

**Trả lời:**

Điều 12 Luật hòa giải ở cơ sở quy định về tổ hòa giải như sau:

Tổ hòa giải có tổ trưởng và các hòa giải viên. Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên trong một tổ hòa giải căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương và đề nghị của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Hằng năm, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải tiến hành rà soát, đánh giá về tổ chức, hoạt động của tổ hòa giải và kiến nghị Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã kiện toàn tổ hòa giải.

**Câu hỏi 30. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của tổ hòa giải?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 13 Luật hòa giải ở cơ sở, sau khi được kiện toàn và thành lập, tổ hòa giải có trách nhiệm sau đây:

1. Tổ chức thực hiện hòa giải.

2. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các giải pháp để tiến hành hòa giải vụ, việc phức tạp.

3. Phối hợp với Ban công tác Mặt trận, Chi hội phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội cựu chiến binh, Chi hội nông dân, Chi hội người cao tuổi, các tổ hòa giải và tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

4. Kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Uỷ ban nhân dân cấp xã về hoạt động hòa giải ở cơ sở, các điều kiện cần thiết cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

5. Đề nghị khen thưởng tổ hòa giải, hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải.

**Câu hỏi 31. Theo Luật hòa giải ở cơ sở thì Tổ trưởng tổ hòa giải do Trưởng Ban công tác Mặt trận chọn trong số các hòa giải viên hay do hòa giải viên bầu?**

**Trả lời:**

Theo Điều 14 Luật hòa giải ở cơ sở thì tổ trưởng tổ hòa giải do hòa giải viên bầu trong số các hòa giải viên để phụ trách tổ hòa giải.

Việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải được thực hiện dưới sự chủ trì của Trưởng ban công tác Mặt trận bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải được lập thành văn bản và gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để ra quyết định công nhận.

**Câu hỏi 32. Các bên mâu thuẫn, tranh chấp có quyền yêu cầu hòa giải viên tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải không? Xin hỏi, việc tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải được quy định ở đâu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 17 Luật hòa giải ở cơ sở, thì các bên mâu thuẫn và tranh chấp có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải.

- Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai.

- Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải.

-Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan.

-Tôn trọng hòa giải viên, quyền của các bên có liên quan.

- Không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải.

Như vậy, các bên trong hòa giải ở cơ sở có quyền đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải.

**Câu hỏi 33. Anh T là Bí thư Chi đoàn thanh niên của thôn mới được bầu làm Hòa giải viên. Do mới tham gia công tác hòa giải ở cơ sở nên anh T chưa có nhiều kinh nghiệm. Anh T muốn hỏi, trường hợp Hòa giải viên biết có mâu thuẫn, tranh chấp giữa các cá nhân, hộ gia đình trong thôn, xóm thì có được chủ động tiến hành hòa giải không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 16 Luật hòa giải ở cơ sở, hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải;

- Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải;

- Theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Như vậy, khi hòa giải viên chứng kiến hoặc biết có mâu thuẫn, tranh chấp giữa các cá nhân, hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi hòa giải thì có thể chủ động tiến hành hòa giải.

**Câu hỏi 34. Hòa giải viên T được phân công hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H, chị G. Trong quá trình hòa giải, hòa giải viên T đã vi phạm nguyên tắc tiết lộ bí mật thông tin đời tư của vợ chồng anh H. Xin hỏi. Trong trường hợp này, hòa giải viên T có được tiếp tục thực hiện việc hòa giải không?**

**Trả lời:**

Một trong những nghĩa vụ của hòa giải viên được quy định tại Điều 10 Luật hòa giải ở cơ sở là phải tuân thủ các nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở. Trong đó, nguyên tắc giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng hoặc phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự được quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật hòa giải ở cơ sở.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật hòa giải ở cơ sở, trong quá trình hòa giải, nếu hòa giải viên vi phạm nguyên tắc hoạt động hòa giải hoặc nghĩa vụ khác của hòa giải viên thì tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên khác thực hiện việc hòa giải.

Như vậy, trong trường hợp nêu trên, hòa giải viên T không được tiếp tục tiến hành việc hòa giải và bị cho thôi làm hòa giải viên theo điểm c, khoản 1 Điều 11 Luật hòa giải ở cơ sở; Tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải viên khác thay hòa giải viên T để tiếp tục hòa giải vụ việc.

**Câu hỏi 35. Hòa giải viên C được tổ trưởng tổ hòa giải phân công hòa giải vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp về ranh giới hành rào chung giữa hai gia đình trong thôn. Kể từ ngày được phân công đến nay đã gần 01 tháng, nhưng vẫn chưa thấy hòa giải viên C tiến hành hòa giải vụ việc khiến mâu thuẫn, tranh chấp giữa hai gia đình vẫn kéo dài. Trường hợp này, hòa giải viên C có vi phạm quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở không?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2 Điều 20 Luật hòa giải ở cơ sở, trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày được phân công, hòa giải viên bắt đầu tiến hành hòa giải, trừ trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay khi chứng kiến vụ, việc hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải.

Như vậy, nếu các bên không có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải thì sau 03 ngày kể từ ngày được phân công hòa giải mà hòa giải viên C không tiến hành hòa giải thì hòa giải viên C đã vi phạm quy định về thời gian hòa giải ở cơ sở.

**Câu hỏi 36. Hòa giải ở cơ sở được tiến hành như thế nào? Nội dung vụ, việc hòa giải có được ghi lại vào sổ để theo dõi không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 21 Luật hòa giải ở cơ sở thì hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên. Trong trường hợp các bên có người khuyết tật thì có sự hỗ trợ phù hợp để có thể tham gia hòa giải.

Hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai theo ý kiến thống nhất của các bên.

Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, hòa giải viên áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó.

Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hòa giải viên có trách nhiệm ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Trường hợp các bên đồng ý thì lập văn bản hòa giải thành theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật này gồm các nội dung sau:

a) Căn cứ tiến hành hòa giải;

b) Thông tin cơ bản về các bên;

c) Nội dung chủ yếu của vụ, việc;

d) Diễn biến của quá trình hòa giải;

đ) Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện;

e) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

g) Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận;

h) Chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và của hoà giải viên.

Như vậy, theo khoản 4 Điều 21 Luật hòa giải ở cơ sở thì nội dung vụ, việc hòa giải phải được Hòa giải viên ghi lại vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.

**Câu hỏi 37. Bà B thỏa thuận mua của ông A 02 con bò. Đến ngày giao bò, bà B chỉ bắt 01 con và hẹn 05 ngày sau đến bắt nốt. Bà B bắt bò về nhà được 03 hôm thì bò bị ốm. Bà B có ý không mua bò nữa và cho rằng ông A đã bán bò bệnh cho mình. Ông A thì cho rằng bà B đã vi phạm thỏa thuận giữa hai người nên yêu cầu bà B phải đến bắt con còn lại. Mâu thuẫn xảy ra và tổ hòa giải vào cuộc, nhưng hòa giải không thành. Trường hợp này các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải nữa không?**

**Trả lời:**

Đây là trường hợp thuộc hòa giải không thành khi các bên không đạt được thỏa thuận thống nhất cách giải quyết.

Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hòa giải ở cơ sở, trong trường hợp hòa giải không thành, “*các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật*.”

Như vậy, khi vụ việc mâu thuẫn được đưa ra tiến hành hòa giải nhưng không thành, thì ông A và bà B có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền là Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 38. Xin hỏi, trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải ở cơ sở được Luật hòa giải ở cơ sở quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Trách nhiệm quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở được quy định tại Điều 28 Luật hòa giải ở cơ sở. Theo đó:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

- Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, có trách nhiệm sau đây:

+ Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

+ Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, kiểm tra thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

+ Biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở cho cấp tỉnh;

+ Quy định mẫu Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở; mẫu, biểu thống kê về tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

**Câu hỏi 39. Tôi được biết tổ hòa giải là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở cơ sở để hoạt động hòa giải. Vậy, Ủy ban nhân dân cấp xã có vai trò gì trong việc quản lý Tổ hòa giải và hòa giải viên?**

**Trả lời:**

Mặc dù tổ hòa giải là tổ chức tự quản của nhân dân, nhưng để bảo đảm hoạt động của Tổ hòa giải và hòa giải viên đúng quy định pháp luật, thì hoạt động hòa giải ở cơ sở vẫn phải chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật hòa giải ở cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở; xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải; thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên tại địa phương;

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở.

- Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

**Câu hỏi 40. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận?**

**Trả lời:**

Theo Điều 30, Luật hòa giải ở cơ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận có các trách nhiệm:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; vận động tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; phối hợp kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

- Các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật.